



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên:

Mã lớp học phần: 24211MH110902704

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Trung San

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: Lê Thành Huy

Ký tên:

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006			8.6	Tam sáu	C26TM1	
2	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005			8.6	Tam sáu	C26TM2	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006			9.6	Chín sáu	C26TM2	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006			6.6	Sáu sáu	C26LG2	
5	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006			5.2	Năm hai	C26TM1	
6	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005			0.6	Sáu	C26TM2	
7	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000			9.6	Chín sáu	C26TM1	
8	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004			9.8	Chín tám	C26TM1	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006			8.0	Tam không	C26TM1	
10	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005			7.4	Bảy bốn	C26LG2	
11	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006			9.0	Chín không	C26TM1	
12	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006			8.4	Tam bốn	C26LG2	
13	2410160019	Dương Hiểu Ly	04/04/2000			6.6	Sáu sáu	C26TM1	
14	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006			5.6	Năm sáu	C26TM1	
15	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005			8.4	Tam bốn	C26LG2	
16	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006			9.8	Chín tám	C26TM2	
17	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006			8.8	Tam tám	C26LG2	
18	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006			6.8	Sáu tám	C26TM1	
19	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005			5.8	Năm tám	C26LG2	
20	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006			8.8	Tam tám	C26TM2	
21	2410150040	Bùi Minh Thông	01/09/2006					C26LG2	VT
22	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006			7.4	Bảy bốn	C26TM2	
23	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006			9.2	Chín hai	C26TM2	
24	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006					C26LG2	VT
25	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006			8.4	Tam bốn	C26LG2	
26	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004			8.8	Tam tám	C26LG2	
27	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006			7.6	Bảy sáu	C26LG2	
28	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006			7.4	Bảy bốn	C26TM1	
29	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006			6.8	Sáu tám	C26TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006			9.4	Chín tư	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

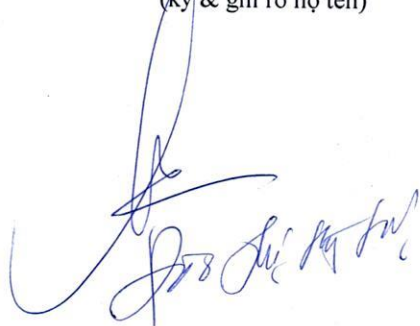
Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 2 Số bài thi/Số tờ: 28 / 1

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 9 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

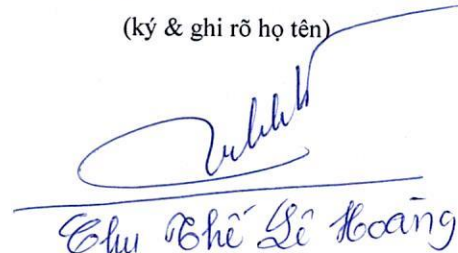
(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày: 3 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chu Bạch Lê Hoàng



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: 5E4IFV

Thời gian thi: 03/04/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 16:15:00

Giám thị 1: NT N. Huyên Ký tên: [Signature]Giám thị 2: LT N. Sơn Ký tên: [Signature]Giám thị 3: LT N. Hoàng Ký tên: [Signature]Giám thị 4: [Signature] Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM1	
2	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM2	
3	2410160029	Dương Tiên Đạt	27/04/2006	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TM2	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26LG2	
5	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TM1	
6	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TM1	
7	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TM2	
8	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TM1	
9	2410160004	Phan Nhật Huy	10/07/2004	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C26TM1	
10	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG2	
11	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TM1	
12	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26LG2	
13	2410160019	Dương Hiểu Ly	04/04/2000	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TM1	
14	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TM1	
15	2410150050	Phan Yên Nhi	20/12/2005	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26LG2	
16	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C26TM2	
17	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26LG2	
18	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TM1	
19	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26LG2	
20	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26TM2	
21	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TM2	
22	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C26TM2	
23	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26LG2	
24	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG2	
25	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26LG2	
26	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TM1	
27	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C26LG2	
28	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yên	25/02/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 9 tháng 4 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 3 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Edu Chế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên:

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

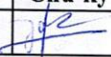
Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006			7.6	Bảy sáu	C26LG2	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006			8.0	Tám chẵn	C26TM2	
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003			8.6	Tám sáu	C26LG2	
4	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006			8.2	Tám hai	C26TM1	
5	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006			5.6	Năm sáu	C26TM1	
6	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức	24/05/2006			7.6	Bảy sáu	C26LG2	
7	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006			9.0	Chín chẵn	C26TM1	
8	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	10/09/2006			7.6	Bảy sáu	C26LG2	
9	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004			6.0	Sáu chẵn	C26TM2	
10	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003			8.6	Tám sáu	C26TM2	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006			8.6	Tám sáu	C26TM1	
12	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006			7.0	Bảy không	C26LG2	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006			6.0	Sáu chẵn	C26TM1	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006			10	Mười chẵn	C26TM1	
15	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006			6.8	Sáu tám	C26LG2	
16	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004			10	Mười chẵn	C26TM1	
17	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002			9.0	Chín không	C26TM1	
18	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005			9.4	Chín tư	C26TM1	
19	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006			7.0	Bảy chẵn	C26LG2	
20	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005			6.8	Sáu tám	C26TM1	
21	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006			4.0	Bốn chẵn	C26LG2	
22	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Uyên	30/11/2006			9.0	Chín chẵn	C26TM1	
23	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006			8.8	Tám tám	C26TM1	
24	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994			10	Mười chẵn	C26TM1	
25	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006			7.4	Bảy bốn	C26LG2	
26	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006			9.8	Chín tám	C26TM1	
27	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006			9.6	Chín sáu	C26TM2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005			5.4	Năm học	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

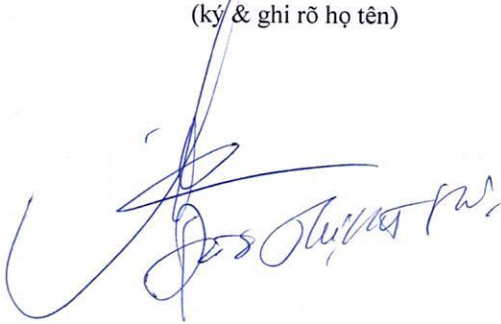
Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 28 / 28.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 9 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

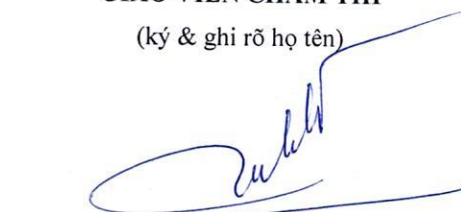
(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 8 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chu Thị Lê Hoàng



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: 02ANQM

Thời gian thi: 03/04/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 16:15:00

Giám thị 1: Nguyễn Văn Dũng Ký tên: [Signature]Giám thị 2: Nguyễn Văn Hùng Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG2	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TM2	
3	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoan	11/05/2006	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TM1	
4	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26LG2	
5	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TM1	
6	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG2	
7	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TM1	
8	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG2	
9	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TM2	
10	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM2	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM1	
12	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26LG2	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TM1	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C26TM1	
15	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG2	
16	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C26TM1	
17	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C26TM1	
18	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TM1	
19	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TM1	
20	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26LG2	
21	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26LG2	
22	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TM1	
23	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26TM1	
24	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG2	
25	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C26TM1	
26	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C26TM1	
27	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TM2	
28	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26LG2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 9 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]Ngày 3 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 19/12/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoàn	11/05/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
5	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	C26TM1		8.0	Tam chẵn	
6	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
7	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004	C26TM1		5.5	Năm năm	
8	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		6.0	Sáu chẵn	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	C26TM1		7.0	Bảy chẵn	
10	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006	C26TM1		7.0	Bảy chẵn	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006	C26TM1		5.5	Năm năm	
12	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000	C26TM1		6.5	Sáu năm	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	C26TM1		6.0	Sáu chẵn	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006	C26TM1		7.0	Bảy chẵn	
15	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	C26TM1		6.0	Sáu chẵn	
16	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004	C26TM1		7.5	Bảy năm	
17	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
18	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
19	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
20	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Uyên	30/11/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
21	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		5.5	Năm năm	
22	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
23	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994	C26TM1		8.0	Tam chẵn	
24	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
25	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	C26TM1		6.5	Sáu năm	
26	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	

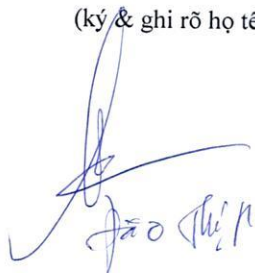
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

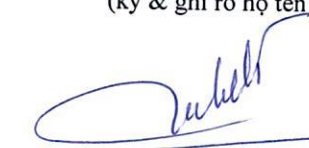
(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Ngọc Hương

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chị Chế Lê Hoàng

TRƯỜNG
KHAI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 11/3/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	19/01/2006	C26TM1		5.5	Năm năm	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1		8.5	Tâm năm	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1		6.0	Sau chẵn	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1		7.5	Bảy năm	
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1				
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1		5.5	Năm năm	
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		8.5	Tâm năm	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1		5.5	Năm năm	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	C26TM1		6.5	Sau năm	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1		7.5	Bảy năm	
12	2410160019	Dương Hiếu	Ly	04/04/2000	C26TM1		7.0	Bảy chẵn	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1		6.5	Sau năm	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1		9.5	Chín năm	
15	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
16	2410160006	Trần Thị Kiều	Oanh	19/05/2004	C26TM1		9.5	Chín năm	
17	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1		9.5	Chín năm	
18	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1		8.5	Tâm năm	
19	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
20	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1		7.5	Bảy năm	
21	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		8.0	Tâm chẵn	
22	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1		8.5	Tâm năm	
23	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1		9.5	Chín năm	
24	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1		9.0	Chín chẵn	
25	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	
26	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1		5.0	Năm chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 01. Số bài thi: 25 / 26.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Chu Chí Lê Hoàng





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

12

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 19/12/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160024	Nguyễn Quốc Nam	15/06/2006	C26TM1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01. Số bài thi: 00 / 01.

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

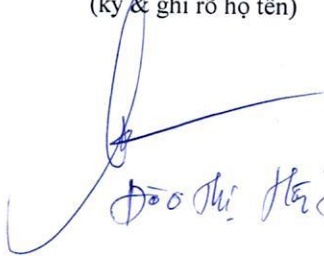
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

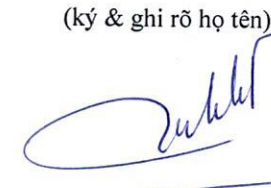
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 13 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Hằng Hương


Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 11/3/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160024	Nguyễn Quốc Nam	15/06/2006	C26TM1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: / .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 19/12/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	C26TM2	<i>Bảo</i>	6.5	Sáu năm	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	<i>B</i>	6.0	Sáu chẵn	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	<i>Đạt</i>	8.0	Tám chẵn	
4	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	<i>H Hoàng</i>	6.0	Sáu chẵn	
6	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	<i>ichar</i>	5.0	Năm chẵn	
7	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	<i>Lam</i>	6.0	Sáu chẵn	
8	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	<i>nhu</i>	6.0	Sáu chẵn	
9	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	<i>thao</i>	6.5	Sáu năm	
10	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	<i>Thư</i>	6.5	Sáu năm	
11	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	<i>Thy</i>	5.5	Năm năm	
12	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	<i>Trinh</i>	7.0	Bảy chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 12 vắng thi: 01. Số bài thi: 11 / 12.

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 11/3/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A110

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bai	8.0	Tam không	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	8.5	Tam năm	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	D	5.0	Năm không	
4	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Hoàng	7.5	Bảy năm	
6	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	5.0	Năm chẵn	
7	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	Lam	8.0	Tam chẵn	
8	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	nhu	7.5	Bảy năm	
9	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	thao	5.0	Năm chẵn	
10	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	Thư	5.0	Năm chẵn	
11	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	Thy	7.0	Bảy không	
12	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	Trinh	7.5	Bảy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 01 . Số bài thi: 11 / 12 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 19/12/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2		5.0	Năm chẵn	
2	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2		7.0	Bảy chẵn	
3	2410160039	Nguyễn Phong	25/05/2006	C26TM2				
4	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2		5.0	Năm chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 04 vắng thi: 01 Số bài thi: 03 / 04

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 11/5/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2		9.0	Chín chẵn	
2	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2		6.5	Sáu năm	
3	2410160039	Nguyễn Phong	25/05/2006	C26TM2				
4	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2		7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 04 vắng thi: 01. Số bài thi: 03 / 04.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 19/12/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		8.0	Tám chẵn	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		6.0	Sáu không	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8.0	Tám chẵn	
6	2410150046	Nguyễn Lộc Anh Khoa	13/03/2001	C26LG2				
7	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		7.0	Bảy chẵn	
8	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
9	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
10	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
11	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7.5	Bảy năm	
12	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
13	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
14	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
15	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
16	2410150040	Bùi Minh Thông	01/09/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
17	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
18	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
19	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		7.0	Bảy chẵn	
20	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
21	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
22	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		9.0	Chín chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: 20 / 22 .

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 08/11/2025 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A.1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		9.0	Chín chẵn	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		5.5	Năm năm	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
6	2410150046	Nguyễn Lộc Anh Khoa	13/03/2001	C26LG2				
7	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		5.5	Năm năm	
8	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
9	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
10	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2		7.0	Bảy chẵn	
11	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
12	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
13	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
14	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
15	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8.0	Tám chẵn	
16	2410150040	Bùi Minh Thông	01/09/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
17	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
18	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
19	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
20	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		5.0	Năm chẵn	
21	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		5.5	Năm năm	
22	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		9.0	Chín chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 02 Số bài thi: 20 / 22

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 19/12/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150057	Trần Thị Kim Cương	10/01/2006	C26LG2				
2	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		6.0	Sau chẵn	
3	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		6.0	Năm chẵn	
4	2410150060	Phạm Thị Minh Thư	23/04/2006	C26LG2				
5	2410150048	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/12/2006	C26LG2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 05 vắng thi: 03 . Số bài thi: 02 / 05 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 11/3/25 Giờ thi: 10:15 Phòng thi: A110

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150057	Trần Thị Kim Cương	10/01/2006	C26LG2				
2	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2	<i>Jul</i>	5.0	Năm chẵn	
3	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2	<i>h</i>	7.0	Bảy chẵn	
4	2410150060	Phạm Thị Minh Thư	23/04/2006	C26LG2				
5	2410150048	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/12/2006	C26LG2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 05 vắng thi: 03. Số bài thi: 02 / 05.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng